

Bản án số: 01/2020/DS- ST

Ngày 05/05/2020

V/v “ *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SA PA, TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đỗ Trọng Bằng và Ông Vũ Minh Huân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sa Pa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Xô -Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 05 năm 2020 tại Hội trường xét xử tầng 1, trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai. Xét xử sơ thẩm công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 24/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2019 về “ *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXX-ST ngày 23 tháng 03 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST – DS ngày 09/04/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Tổ 4, thị trấn S1, huyện S (Nay là tổ 2, phường S1, thị xã S, tỉnh L; Địa chỉ hiện nay: Tổ 5, phường Phan si p, thị xã S, tỉnh L.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Tổ 4B, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa (Nay là tổ 2, phường Sa Pa, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai, đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2019, các bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Ngọc H trình bày:

Ngày 24/12/2015 tôi có cho bà Nguyễn Thị N; Địa chỉ: Tổ 4B, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai (Nay là tổ 2, phường Sa Pa, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai) vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và ngày 04/03/2016 tôi tiếp tục cho bà N vay số tiền 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng). Cả hai lần vay

tiền giữa tôi và bà Nguyễn Thị N đều lập thành hợp đồng (Giấy vay tiền mặt) với lãi suất theo thỏa thuận và không ấn định thời gian trả gốc và lãi. Từ khi vay bà Nhài cũng không trả cho tôi cả tiền gốc và tiền lãi. Đến nay tôi đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho tôi toàn bộ số tiền gốc vay trong 02 giấy vay tiền trên là 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng), tôi không yêu cầu bà Nhài phải thanh toán tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 08/11/2019 bà Trần thị Huê là vợ của ông Trần Ngọc H trình bày: Tôi được biết chồng tôi có cho bà Nguyễn Thị N vay hai lần tiền với tổng số tiền là 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng). Số tiền chồng tôi cho bà N vay không liên quan gì đến tôi, đó là tài sản riêng của chồng tôi, vì vậy tôi đề nghị Tòa án không đưa tôi vào tham gia tố tụng và tôi từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án, tôi đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Tại bản tự khai ngày 08/11/2019, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Do có quan hệ quen biết nhau từ trước, vào năm 2013 tôi có vay ông H tiền nhưng không lập giấy tờ gì mà chỉ nói với nhau qua điện thoại, số tiền vay ông Hanh tôi không nhớ với lãi suất vay của 1.000.000 đồng là 2.500 đồng/01 ngày. Số tiền gốc và lãi tôi đều chuyển qua ngân hàng trả cho ông H và trả theo yêu cầu của ông H chuyển qua tài khoản của ông Trần Ngọc H1 là em trai ông H, chị Trần Thị H là vợ của ông H. Khi tôi làm ăn khó khăn không thanh toán được gốc và lãi thì ông H đã ép tôi viết giấy nhận nợ ngày 24/12/2015 số tiền là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và ngày 04/03/2016(Ngày tháng ông H tự viết vào giấy vay tiền) ông H lại ép tôi viết giấy vay ông H theo giấy vay tiền là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng). Khi vay hai bên có lập giấy vay tiền mặt với lãi suất theo thỏa thuận và không ấn định thời gian trả gốc lãi, đồng thời ông H còn cho dân xã hội về nơi con tôi học tại trường đại học FPT ở Hà Nội để hành hung ép tôi trả tiền vay, lo lo sợ tôi đã ký vào hai giấy vay tiền đó.

Đến nay ông H khởi kiện tôi ra tòa án, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc tôi phải trả số tiền cho ông H là Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai giải quyết buộc tôi phải trả cho tôi toàn bộ số tiền gốc vay trong 02 giấy vay tiền trên là 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng), tôi không nhất trí vì số tiền này là không đúng và hiện nay tôi rất khó khăn về kinh tế không có tiền để thanh toán cho ông H.

Toàn bộ số tiền tôi vay của ông H để làm ăn riêng không liên quan gì đến chồng tôi là ông Nguyễn Trí Nông G vì vậy tôi đề nghị Tòa án không đưa chồng tôi vào tham gia tố tụng.

Ngày 08/01/2020 Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa đã ban hành giấy triệu tập ông Nguyễn Trí Nông G đến Tòa án để làm việc và đã tiến tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng ông Giang không đến Tòa án để làm việc.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Sa Pa đã ra thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số: 259/TB-TA ngày 09/12/2019 đối với bị đơn bà Nguyễn Thị N về:

+ Tài liệu chứng cứ chứng minh việc nguyên đơn ông Trần Ngọc H cho bị đơn vay tiền năm 2013 và các tài liệu chứng minh việc cho vay và trả nợ giữa hai bên.

+ Chứng cứ chứng minh ông Hanh cho dân xã hội đen về nơi con bà học tại trường FPT ở Hà Nội hành hung ép bà phải trả tiền, do sợ bà phải ký vào hai giấy vay tiền.

+Tài liệu chứng cứ việc nguyên đơn ông Trần Ngọc H đơn ép bà viết giấy vay tiền là ngày 24/12/2015 và ngày 04/03/2016 với tổng số tiền là 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng).

Sau khi nhận thông báo trên cho đến nay bà Nguyễn Thị N vẫn không cung cấp cho tòa án các tài liệu, chứng cứ nêu trên.

Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai đã tiến hành 02 phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương, nhưng cả 02 lần bị đơn bà Nguyễn Thị N đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình như trong đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng qui định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 35; Điều 463; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc H; Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N phải trả cho ông Trần Ngọc H số tiền 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng), theo giấy vay tiền ngày 24/12/2015 và ngày 04/03/2016. Ghi nhận ông Trần Ngọc H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền cho vay trên. Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe các được sự trình bày Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 01/10/2019, Tòa án nhân dân huyện Sa Pa nhận được đơn khởi kiện của ông Trần Ngọc H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sa Pa(Nay là Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai) giải quyết buộc chị Nguyễn Thị N trả cho nguyên đơn số tiền gốc theo hai hợp đồng vay tiền là 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng). Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa (Nay là tổ 2, phường Sa Pa, thị xã Sa Pa , tỉnh Lào Cai. Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39

Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 24/12/2015 ông Trần Ngọc H có cho bà Nguyễn Thị N vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và ngày 04/03/2016 ông H tiếp tục cho bà Nhài vay số tiền 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng). Cả hai lần vay tiền giữa ông H và bà Nguyễn Thị N đều lập giấy vay tiền mặt, không thể hiện có lãi suất, theo ông H nói lãi suất theo thỏa thuận và giấy vay tiền không ấn định thời gian trả gốc và lãi. Từ khi vay bà Nhài cũng không trả cho ông H cả tiền gốc và tiền lãi. Đến nay ông H đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho ông toàn bộ số tiền gốc vay trong 02 giấy vay tiền trên là 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng), ông không yêu cầu bà Nhài phải thanh toán tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 08/11/2019 bà Nguyễn Thị N trình thừa nhận vào năm 2013 bà có vay ông H tiền nhưng không lập giấy tờ gì mà chỉ nói với nhau qua điện thoại, số tiền vay ông H bà không nhớ với lãi suất vay của 1.000.000 đồng là 2.500 đồng/01 ngày. Số tiền gốc và lãi bà đều chuyển qua ngân hàng trả cho ông H và trả theo yêu cầu của ông H chuyển qua tài khoản của ông Trần Ngọc H1 là em trai ông H, chị Trần Thị H là vợ của ông H. Khi bà làm ăn khó khăn không thanh toán được gốc và lãi thì ông H đã ép bà viết giấy nhận nợ ngày 24/12/2015 số tiền là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và ngày 04/03/2016 lại ép bà viết giấy vay ông H theo giấy vay tiền là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng). Khi vay hai bên có lập giấy vay tiền mặt với lãi suất theo thỏa thuận và không ấn định thời gian trả gốc lãi, đồng thời ông H còn cho dân xã hội về nơi con bà học tại trường đại học FPT ở Hà Nội để hành hung ép bà trả tiền vay, lo sợ bà đã ký vào hai giấy vay tiền đó.

Đến nay ông H khởi kiện bà ra tòa án, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà phải trả cho ông H toàn bộ số tiền gốc vay trong 02 giấy vay tiền trên là 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng), bà không nhất trí vì số tiền này là không đúng.

Việc trình bày trên của bị đơn là không có căn cứ, Tòa án đã yêu cầu bị đơn cung cấp toàn bộ các chứng cứ liên quan đến việc nguyên đơn ép bà phải ký hai hợp đồng vay tiền trên và các tài liệu chứng cứ khác liên quan, nhưng bị đơn không cung cấp cho tòa án. Do đó lời trình bày trên của bị đơn không có căn cứ pháp luật.

Khi tham gia giao dịch vay tài sản, các đương sự đều là người có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự. Việc vay tiền xuất phát từ sự tự nguyện, nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Bị đơn bà Nguyễn Thị N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Xét về hợp đồng vay, các bên đều không thỏa thuận thời hạn trả nợ và không có lãi suất, việc nguyên đơn có thông báo cho bị đơn về việc trả nợ theo 02 giấy vay tiền trên là phù hợp với quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự. Bị đơn đã vi phạm không thực hiện việc thanh toán, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn

trả tiền cho nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật cần được chấp nhận. Do đó cần buộc bị đơn chị Nguyễn Thị N phải trả cho nguyên đơn ông là 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng), theo giấy vay tiền ngày 24/12/2015 và giấy vay tiền ngày 04/03/2016 là phù hợp quy định của pháp luật.

Về khoản tiền lãi suất : Trong 02 giấy vay tiền ngày 24/12/2015 và giấy vay tiền ngày 04/03/2016 các bên đều không thể hiện lãi suất theo. Tại bản tự khai các bên đều khai lãi suất theo thỏa thuận nhưng các bên đều không chứng minh được việc lãi suất cũng như việc trả lãi, do đó cần phải xác định 02 giấy vay tiền trên giữa giữa ông Trần Ngọc H và bà Nguyễn Thị N là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi xuất. Tại đơn yêu cầu cũng như tại phiên tòa nguyên đơn không đề nghị tính lãi đối với số tiền 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng).

Tại bản tự khai ngày 08/11/2019 bà Trần thị H là vợ của ông Trần Ngọc H trình bày: Tôi được biết chồng tôi có cho bà Nguyễn Thị N vay hai lần tiền với tổng số tiền là 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng). Số tiền chồng tôi cho bà N vay không liên quan gì đến tôi, đó là tài sản riêng của chồng tôi, vì vậy tôi đề nghị Tòa án không đưa tôi vào tham gia tố tụng và tôi từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án, tôi đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ông Trần Ngọc H trình bày: Số tiền ông cho bà Nhài vay là tiền riêng của ông, ông thừa nhận lời trình bày trên của vợ ông là đúng.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập đối với ông Nguyễn Trí Nông G (chồng bà N) để làm rõ nguồn gốc số tiền vay giữa ông Trần Ngọc H và bà Nguyễn Thị N, tuy nhiên ông G không đến Tòa án làm việc. Tại bản tự khai bà Nguyễn Thị N cũng thừa nhận: “Toàn bộ số tiền tôi vay của ông H để làm ăn riêng không liên quan gì đến chồng tôi là ông Nguyễn Trí Nông G vì vậy tôi đề nghị Tòa án không đưa chồng tôi vào tham gia tố tụng”.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Khoản 2 Điều 227; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463; Khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015. Luật án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc H. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N phải trả cho ông Trần Ngọc H số tiền tổng số tiền là 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Trần Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị N không thi hành xong khoản tiền phải trả trên thì hàng tháng bà N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

[2] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 63.000.000đ(Sáu mươi ba triệu đồng)

Nguyên đơn ông Trần Ngọc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.500.000đồng (*Ba mươi một triệu năm trăm ngàn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Pa(Nay là thị xã Sa Pa) theo biên lai số 0000 763 ngày 08/10/2019.

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh, thị xã;
- CC THADS thị xã;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Chu Văn Thanh